

Số: /KH-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh); Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, nâng cao nhận thức và triển khai kịp thời, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh).

- Xác định rõ nội dung trọng tâm, phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng phòng, đơn vị nhằm thống nhất từ nhận thức đến hành động trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch của tỉnh, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án triển khai; tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm kết hợp chặt chẽ các nguồn lực để tạo đột phá thu hút đầu tư phát triển và hoàn thiện hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể với hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

- Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm và nhiệm vụ đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu

30%; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ phù hợp với xu hướng hội tụ của công nghệ thông tin trong cuộc cách mạng 4.0. Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông rộng khắp, đảm bảo tính kết nối, chia sẻ giữa các tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh, đảm bảo chiến lược phát triển số. Hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Ngãi cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng, thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng khoa học và công nghệ đủ về quy mô, lĩnh vực và mức độ hiện đại, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước đưa Quảng Ngãi trở thành một trong những trung tâm khoa học và công nghệ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Phổ biến, quán triệt nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nội dung của Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh). Chủ động khai thác, nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch và các Văn bản chỉ đạo của trung ương và của tỉnh để phục vụ công tác quản lý và triển khai thực hiện. Đồng thời, triển khai các giải pháp, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các nội dung Quy hoạch tỉnh thông qua nhiều hình thức để người dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước được biết để tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư; tạo sự đồng thuận, tham gia thực hiện và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì:

+ Các phòng, đơn vị;

+ Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo (CĐS&ĐMST) đăng tải Quyết định phê duyệt và Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh lên Trang thông tin điện tử của Sở và bằng hình thức khác;

- Thời gian: Thường xuyên.

2. Rà soát các quy hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông (Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-

2030, tầm nhìn đến năm 2050); Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi (điều chỉnh). Xúc tiến đầu tư, kêu gọi các đối tác quốc tế, các doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư tham gia tại các diễn đàn đầu tư về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì: Các phòng thuộc Sở;
- Phối hợp: Văn phòng Sở; các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Thời gian: Thường xuyên.

3. Bưu chính: Phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính trong việc bố trí quỹ đất theo quy hoạch để xây dựng Trung tâm bưu chính tỉnh và trung tâm bưu chính khu vực đóng vai trò kiểm định, đóng gói, phân loại và bảo quản hàng hóa tập trung tại tỉnh; nâng cấp các điểm dịch vụ bưu chính tại các xã phường và đặc khu Lý Sơn. Phát triển các điểm phục vụ bưu chính hỗ trợ phát triển thương mại điện tử và kinh tế số tại các xã, phường và đặc khu Lý Sơn nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân; đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ của mạng bưu chính công cộng, 100% điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Chủ trì: Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số (BCVT&CDS);
- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở; các doanh nghiệp bưu chính;
- Thời gian: Thường xuyên đến năm 2030.

4. Hạ tầng Viễn thông:

Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng cố định và di động dung lượng lớn, ưu tiên mở rộng mạng cáp quang; hoàn thiện hạ tầng 4G, phát triển hạ tầng 5G để hỗ trợ sản xuất thông minh đến khu đô thị, trung tâm xã, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch; bảo đảm chất lượng phủ sóng đến vùng khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo; đồng bộ với quy hoạch hạ tầng đô thị, giao thông, chiếu sáng, cấp - thoát nước. Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%; 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s đối với khu vực đô thị và đặc khu Lý Sơn, 70% đối với khu vực nông thôn - miền núi; Tỷ lệ cột ăng ten dùng chung hạ tầng tại khu vực đô thị đạt $\geq 80\%$; Tỷ lệ tuyến phố chính tại đô thị loại II, III được ngầm hóa cáp viễn thông đạt $\geq 70\%$ vào năm 2030; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hạ tầng viễn thông thụ động dùng chung ngay từ giai đoạn đầu tư.

Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn nghiên cứu, xây dựng nền tảng thiết bị IoT phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Chủ trì: Phòng BCVT&CDS;
- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở; các doanh nghiệp viễn thông;
- Thời gian: Thường xuyên đến năm 2030.

5. Hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu số và chuyển đổi số:

Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và điện toán đám mây theo hướng mở, linh hoạt, xanh, an toàn; xây dựng, triển khai Trung tâm dữ liệu, hạ tầng cloud dùng chung, nền tảng phân tích dữ liệu và AI phục vụ điều hành thông minh. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh đạt tiêu chuẩn Uptime TIER 3; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu tỉnh với Trung tâm dữ liệu quốc gia, nền tảng dữ liệu vùng theo định hướng của Trung ương.

Cung cấp 100% dữ liệu mở theo từng lĩnh vực theo kế hoạch. Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây; Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương; Có $\geq 80\%$ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP; Có $\geq 90\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất; đầu tư Trung tâm dữ liệu xanh cấp tỉnh, các trung tâm dữ liệu biên tại khu công nghiệp trọng điểm và Hệ thống IoT dùng chung cấp tỉnh.

Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu an toàn giữa các cơ quan hệ thống chính trị qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (NDOP). Quy hoạch hệ thống máy chủ, hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu theo hướng tập trung về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn của Quốc gia.

Tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tương tác với người dân và doanh nghiệp; đích đến là sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số ở các cấp chính quyền, các ngành, lĩnh vực; phát triển đô thị trực thuộc tỉnh đạt cơ bản nền tảng về đô thị thông minh; phấn đấu phổ cập điện thoại thông minh đến người dân và kết nối cáp quang Internet cho mỗi hộ gia đình. Kinh tế số trở thành phương thức cốt lõi nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; là nền tảng động lực để phát triển, giúp các ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân triển khai thực hiện các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao, nâng cao đời sống xã hội.

- Chủ trì: Phòng BCVT&CDS; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo.

- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở; các doanh nghiệp viễn thông;

- Thời gian: Thường xuyên đến năm 2030.

6. Công nghiệp công nghệ thông tin: Phối hợp với Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh, các sở, ban ngành, địa phương liên quan thúc đẩy phát triển khu công nghiệp công nghệ thông tin và logistics số gắn với Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Cửa khẩu Bờ Y, cảng Dung Quất và các khu công nghiệp trọng điểm; thu hút các lĩnh vực điện tử, thiết bị thông minh, trung tâm dữ liệu, điều khiển thông minh, dịch vụ số, phục vụ tự động hóa trong công nghiệp, cảng biển và logistics.

- Chủ trì: Phòng BCVT&CDS;

- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở;

- Thời gian: Thường xuyên.

7. Nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích gắn kết các công trình hạ tầng thông tin và truyền thông với các công trình phát triển công nghiệp công nghệ số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo hướng hình thành hệ sinh thái để nâng cao hiệu quả khai thác các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; triển khai hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ với hạ tầng giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng... theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung. Tập trung xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến trách nhiệm của Sở KHCN, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục pháp lý để tăng cường thu hút và đầu tư, xây dựng, triển khai các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông; thúc đẩy chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, trọng điểm là 05 ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, du lịch, logistics, dệt may và công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Chủ trì: Phòng BCVT&CDS;

- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở;

- Thời gian: Thường xuyên.

8. Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin thuộc Sở quản lý. Nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ trì: Trung tâm CDS&ĐMST;

- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở;

- Thời gian: Thường xuyên.

9. Phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; Sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất hiện có, đồng thời ưu tiên đầu tư mới cho các lĩnh vực mũi nhọn; kết hợp nguồn lực ngân sách với xã hội hóa để phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ, khu chức năng khoa học - công nghệ, vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo và các cơ sở nghiên cứu trọng điểm trên địa bàn.

a) Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Đóng góp của tiến bộ KH&CN vào tăng trưởng GRDP đạt tối thiểu 45-50%; Tỷ lệ tổng đầu tư cho KH&CN đạt tối thiểu 2% tổng chi ngân sách địa phương, tăng dần qua các năm và ưu tiên đầu tư cho R&D.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ công nghệ. Hình thành 01 Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, 02-03 phòng thí nghiệm trọng điểm trong các lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, vật liệu - môi trường; Hằng năm triển khai 50 nhiệm vụ KH&CN, trong đó 70% kết quả được ứng dụng vào thực tiễn; Hình thành 30 doanh nghiệp KH&CN hoặc doanh nghiệp ĐMST, ít nhất 10 sản phẩm được bảo hộ hoặc

thương mại hóa từ kết quả nghiên cứu; Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%, trong đó 30% doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ số, IoT, tự động hóa vào sản xuất - kinh doanh.

c) Thúc đẩy chuyển giao công nghệ và hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương. Hỗ trợ ít nhất 30 doanh nghiệp/HTX đổi mới công nghệ; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh gắn với Trung tâm ĐMST; 100% nhiệm vụ KH&CN được triển khai theo cơ chế đặt hàng, tuyển chọn công khai, minh bạch; nâng cao năng lực tư vấn, phản biện KH&CN; Hằng năm tổ chức 05-07 sự kiện ĐMST, kết nối với Techfest vùng, quốc gia và các quỹ đầu tư mạo hiểm; Phát triển hệ thống hỗ trợ chuyển giao công nghệ: tổ chức trung gian, điểm kết nối cung - cầu công nghệ, sàn giao dịch công nghệ trực tuyến của tỉnh.

d) Từng bước hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh. 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc danh mục quản lý thực hiện công bố hợp chuẩn, hợp quy; 70% doanh nghiệp ứng dụng ISO 9001:2015, 5-7 doanh nghiệp/năm được hỗ trợ cải tiến năng suất chất lượng; Ít nhất 05 sản phẩm chủ lực áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử, được chứng nhận chất lượng; nâng cao năng lực kiểm định hiệu chuẩn thử nghiệm của các tổ chức đáp ứng nhu cầu của xã hội.

đ) Phát triển mạnh sở hữu trí tuệ gắn với thương mại hóa sản phẩm. Hỗ trợ 15-20 đối tượng đăng ký SHTT/năm (sáng chế, GPHI, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý); 100% sản phẩm chủ lực/OCOP được tư vấn về quản lý, phát triển và bảo hộ tài sản trí tuệ; Nâng cao năng lực khai thác, thương mại hóa sáng chế; hình thành hệ thống đánh giá đóng góp của tài sản trí tuệ vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

e) Bảo đảm an toàn bức xạ và ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình. Đến năm 2030: 100% cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ được cấp phép, kiểm tra, giám sát định kỳ; Xây dựng hệ thống quản lý an toàn bức xạ tập trung toàn tỉnh; hằng năm tổ chức 02-03 đợt kiểm tra chuyên đề và 100% cán bộ kỹ thuật được tập huấn

- Chủ trì:

+ Nội dung a: Các Phòng: Quản lý Khoa học và Đổi mới sáng tạo (QLKH&ĐMST), Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành (QLCN&CN); Văn phòng Sở;

+ Nội dung b và c: Các Phòng: QLKH&ĐMST, QLCN&CN;

+ Nội dung d: Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL); Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL;

+ Nội dung đ và e: Phòng QLCN&CN;

- Phối hợp: Văn phòng Sở; các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Thời gian: Thường xuyên đến năm 2030.

10. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chủ động liên kết, hợp tác với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp và các đối tác trong, ngoài nước để đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển.

- Chủ trì: Các phòng, đơn vị;
- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở; các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Thời gian: Thường xuyên.

11. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực thi pháp luật, về vai trò, ý nghĩa của phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chia sẻ câu chuyện thành công và bài học kinh nghiệm từ các nhiệm vụ, dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì: Các phòng chuyên môn, Trung tâm CDS&ĐMST;
- Phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc Sở; các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Thời gian: Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các phòng, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024, số 805/QĐ-TTg ngày 07/8/2024; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025; các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026, số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 và Kế hoạch này để tham mưu tổ chức thực hiện; đồng thời, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Khẩn trương tập trung triển khai rà soát, tham mưu lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh.

2. Chủ động tham mưu, phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch do Bộ KH&CN lập, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch đô thị, nông thôn và quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành của tỉnh nhằm bảo đảm mối quan hệ giữa các loại quy hoạch theo quy định tại Điều 6 của Luật Quy hoạch.

3. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thực hiện ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi theo quy hoạch.

4. Định kỳ *trước ngày 20 tháng 10 hằng năm* hoặc theo yêu cầu đột xuất, tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- GD, các PGD;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Hiếu